

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại.
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không.
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan.
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics.
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên.
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản.
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát..
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác.
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính cho Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2010 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẮN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Các chi nhánh, phòng đại lý và các phòng ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tập hợp số liệu ban đầu và thống kê; định kỳ các dữ liệu được chuyển về Văn phòng Công ty để Phòng Kế toán hạch toán, tổng hợp ghi sổ và lập Báo cáo tài chính. Riêng chi nhánh Campuchia hạch toán độc lập và Báo cáo tài chính sẽ được tổng hợp vào cuối năm.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Tiền thu từ việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được Công ty ghi nhận giảm vào giá trị của khoản đầu tư.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Chi phí trả trước khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Riêng Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Chi nhánh Campuchia có đồng tiền hạch toán khác với đồng tiền trình bày được chuyển đổi sang đồng tiền trình bày của Báo cáo tài chính như sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán (tỷ giá cuối kỳ).
- Doanh thu và Chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.
- Tất cả những khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính của Bộ phận Shipping và Chi nhánh Campuchia hoạt động ở nước ngoài không thể tách rời với hoạt động của doanh nghiệp báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
: 26.963 VND/EUR

30/06/2010 : 18.544 VND/USD
: 23.275 VND/EUR

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.489.901.418	6.056.728.672
Tiền gửi ngân hàng	97.164.698.662	86.077.597.568
Tiền đang chuyển	-	598.001.084
Cộng	<u>101.654.600.080</u>	<u>92.732.327.324</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	149.784.739.956	161.059.731.211
Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential	4.778.730.000	4.778.730.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	4.689.396.183	4.680.660.294
Cộng	<u>159.252.866.139</u>	<u>170.519.121.505</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng cho hoạt động đại lý tàu biển	19.367.635.061	11.990.812.451
Phải thu khách hàng hoạt động khai thác vận tải	172.220.282.212	122.616.654.035
Phải thu khách hàng dịch vụ cho thuê tài sản	26.730.000.000	71.945.961.735
Phải thu khách hàng dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	88.018.766.150	82.072.009.878
Cộng	<u>306.336.683.423</u>	<u>288.625.438.099</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cảng kỹ thuật biển	1.273.160.900	1.273.160.900
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	1.250.000.000	1.250.000.000
Xí nghiệp liên hợp Ba Son	7.101.105.140	-
Các khoản ứng trước khác	7.156.966.472	2.441.599.744
Cộng	<u>16.781.232.512</u>	<u>4.964.760.644</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	20.397.061.099	20.314.027.551
Phải thu Công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam về khoản góp vốn hợp tác liên doanh	-	152.163.534
Phải thu Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ về khoản góp vốn đầu tư	5.800.000.000	5.800.000.000
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.968.000.000	3.968.000.000
Phải thu về các khoản cho cá nhân ngoài Công ty mượn	-	88.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	124.316.259.271	99.166.677.929
Lãi dự thu công trái, trái phiếu chính phủ	-	3.540.000
Phải thu khác	81.136.391.605	28.492.397.623
Cộng	235.617.711.975	157.984.806.637

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trân	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
Cộng	829.059.322	829.059.322

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu tồn trên tàu	29.258.353.224	27.856.801.618
Cộng	29.258.353.224	27.856.801.618

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa tàu	1.541.527.749	2.205.366.895	1.197.534.660	2.549.359.984
Chi phí khác	761.774.055	13.709.974.994	9.501.760.996	4.969.988.053
Cộng	2.303.301.804	15.915.341.889	10.699.295.656	7.519.348.037

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu NSNN	81.800.311	3.000.000
Cộng	81.800.311	3.000.000

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	15.915.549.586	14.146.787.783
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.709.667.637	53.820.888.636
Cộng	70.625.217.223	67.967.676.419

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81,370,179,487	107,611,584,016	921,475,193,868	11,966,374,642	1,122,423,332,013
Mua sắm mới			3,072,375,449	222,947,778	3,295,323,227
Giảm trong năm	5,011,964,653	33,241,600	6,870,373,442		11,915,579,695
Số cuối năm	76,358,214,834	107,578,342,416	917,677,195,875	12,189,322,420	1,113,803,075,545
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32,163,345,291	71,451,539,870	297,226,531,484	7,386,825,091	408,228,241,736
Khấu hao trong năm	1,147,268,120	4,220,486,146	17,742,384,854	1,066,209,672	24,176,348,792
Giảm trong năm	2,299,756,405	32,321,544	4,927,092,331		7,259,170,280
Số cuối năm	31,010,857,006	75,639,704,472	310,041,824,007	8,453,034,763	439,663,760,808
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	49,206,834,196	36,160,044,146	624,248,662,384	4,579,549,551	714,195,090,277
Số cuối năm	45,347,357,828	31,938,637,944	607,635,371,868	3,736,287,657	674,139,314,737

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê của lô đất tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573
Tăng trong kỳ	-	1.982.358.870	
Số cuối kỳ	23.890.768.666	14.641.570.963	9.249.197.703

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.704.213.410	9.450.038.457	20.154.251.867
Giảm trong kỳ	3.351.730.000	-	3.351.730.000
Số cuối kỳ	7.352.483.410	9.450.038.457	16.802.521.867
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.075.451.532	1.075.451.532
Khấu hao trong kỳ	-	478.835.095	478.835.095
Số cuối kỳ	-	1.554.286.627	1.554.286.627
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.704.213.410	8.374.586.925	19.078.800.335
Số cuối kỳ	7.352.483.410	7.895.751.830	15.248.235.240

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina (xem thuyết minh số V.33).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tên tài sản	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phần mềm GSS	630,000,000	630,000,000
Cầu Liebherr	1,353,707,370	
Sà Lan2200T - SESCO.S135	86,000,000	
Khu bắc Rạch Chiếc	20,404,054,061	20,404,054,061
DA Phú Thuận Quận 7	119,028,883	119,028,883
DA Container Bãi Cháy	179,643,600	179,643,600
DA Cao ốc Lê Lợi	2,694,479,091	2,694,479,091
DA Khu công nghệ cao GMD	3,658,444,173	3,658,444,173
DA Khác	753,997,445	753,997,445
	29,879,354,623	28,439,647,253

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	278.948.439.795	16.736.906.388	262.211.533.407
Tăng trong kỳ	500.000.000	5.671.207.142	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	22.408.113.530	257.040.326.265

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	55.183.612.441	122.358.314.923
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	18.796.373.640	35.318.915.368

Bất động sản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina (xem thuyết minh số V.33).

17. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	66,20	66,20	33.100.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	58,55	58.548.611.134
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	30,22	70.502.632.118
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	22,04	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chứa ^(*)	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ^(**)	26,00	26,00	15.600.000.000
Cộng			473.226.379.562

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Công ty cổ phần Gemadept góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Tử Chúa với tỷ lệ 5% và Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M, Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần Gemadept, góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Tử Chúa với tỷ lệ 50%.

(**) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 52%.

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	30,00	30,00	27.596.000.000
Công ty cổ phần Du Lịch Minh Đạm	40,00	10,20	18.264.608.143
Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	13.382.010.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	23,00	19,27	69.500.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	49.875.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL	49,00	35,52	2.781.857.430
Cộng			295.472.049.573

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	351.470.979.600	350.952.740.000
Đầu tư trái phiếu, công trái	10.000.000	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	35.911.901.494	17.401.131.494
Cộng	387.392.881.094	368.363.871.494

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	20.260.415.500	20.260.415.500
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	6.039.181.721	6.039.181.721
- Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	1.467.176.763	1.467.176.763
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát	1.077.158.262	1.077.158.262

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>triển hạ tăng Gemadept</i>		
- Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	433.621.851	433.621.851
- Công ty cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	3.061.224.845	3.061.224.845
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	5.761.837.348	5.761.837.348
- Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	5.133.232.614	5.133.232.614
- Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL	628.604.734	628.604.734
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	2.005.709.657	2.005.709.657
- Công ty cổ phần Quản lý quỹ Bảo Tín	1.856.662.938	1.856.662.938
- Công ty cổ phần Sài Gòn Sa Pa	149.046.719	149.046.719
Cộng	34.067.144.226	34.067.144.226

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn	7.352.471.254	4.245.221.625	3.107.249.629
Cộng	7.352.471.254	4.245.221.625	3.107.249.629

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	1.387.027.094
Số phát sinh trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.387.027.094

23. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ, cầm cố dài hạn	36.867.107.120	37.079.412.120
Cộng	36.867.107.120	37.079.412.120

24. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các ngân hàng	175.433.779.680	154.985.144.986
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	135.248.889.655	71.810.659.687
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ^(b)	22.411.211.945	64.698.683.354
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ ^(c)	17.773.678.080	18.475.801.945
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	363.000.000	414.020.578
- Công ty chứng khoán ISC	-	51.020.578
- Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	363.000.000	363.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33)</i>	<i>21.610.000.000</i>	<i>43.220.000.000</i>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng Indovina	11.250.000.000	22.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	4.360.000.000	8.720.000.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.33)</i>	<i>3.149.659.916</i>	<i>5.999.703.133</i>
Cộng	200.556.439.596	204.618.868.697

- a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản tại Lô A2 Trường Sơn, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0112.1/2008/HĐTC-VIBSG ngày 10 tháng 11 năm 2008 và tàu biển Stellar Pacific theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0112.2/2008/HĐTC-VIBSG ngày 12 tháng 11 năm 2008.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này cam kết chuyển nguồn thu từ hoạt động kinh doanh về ngân hàng tối thiểu bằng 10% doanh thu và không có tài sản đảm bảo.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn cho nhu cầu mua nguyên vật liệu. Khoản vay này không có đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn các ngân hàng	154.985.144.986	224.692.100.026			204.243.465.332	175.433.779.680
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	414.020.578				51.020.578	363.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	43.220.000.000	-			21.610.000.000	21.610.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.999.703.133				2.850.043.217	3.149.659.916
Cộng	204.618.868.697	224.692.100.026			228.754.529.127	200.556.439.596

25. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	129.014.207.489	131.292.107.654
Cộng	129.014.207.489	131.292.107.654

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	4.434.895.806	6.432.850.116

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện	2.913.995.203	4.385.758.257
Cộng	7.348.891.009	10.818.608.373

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.104.945.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	2.673.350.458	3.341.322.781
Thuế thu nhập cá nhân	279.000.241	386.190.074
Các loại thuế khác	1.784.896.917	2.101.560.924
- Thuế môn bài	-	(3.000.000)
- Thuế cưc	754.037.445	335.423.194
- Thuế nhà thầu	1.030.859.472	1.769.137.730
Cộng	4.737.247.616	6.934.019.243

28. Phải trả người lao động

Tiền lương và thưởng còn phải trả cho công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	2.294.008.080	1.548.111.991
Chi phí phải trả khác	17.696.003.052	36.009.056.352
Cộng	19.990.011.132	37.557.168.343

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.685.042.676	2.806.047.700
BHXX, BHYT, BHTN	135.437.178	952.838.144
Cổ tức phải trả	65.246.600	1.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	678.500.000	1.431.343.999
Tài sản thừa chờ xử lý	1.554.897.428	1.554.897.428
Các khoản phải trả khác	190.469.177.217	189.022.081.129
Cộng	194.588.301.099	196.832.455.000

Chi tiết các khoản phải trả khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	12.107.992.870	14.353.143.085
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	161,322,336,977	137.410.921.923
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản phải trả khác	15.322.605.461	35.541.774.212
Cộng	190.469.177.217	189.022.081.129

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**31. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi trong kỳ</u>	<u>Hoàn nhập dự phòng</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển:				
- Các khoản dự phòng phải trả các đối tượng khác	<i>1.648.316.717</i>	-	<i>1.648.316.717</i>	-
Cộng	<u>1.648.316.717</u>	-	<u>1.648.316.717</u>	-

32. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	<i>22.481.131.743</i>	<i>24.531.675.907</i>
Cộng	<u>22.481.131.743</u>	<u>24.531.675.907</u>

33. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	<i>201.342.045.000</i>	<i>201.342.045.000</i>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	84.000.000.000	84.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina ^(b)	95.625.000.000	95.625.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(c)	21.717.045.000	21.717.045.000
Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn 5 năm	<i>5.116.974.549</i>	<i>5.330.256.747</i>
Cộng	<u>206.459.019.549</u>	<u>206.672.301.747</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để tài trợ hoặc hoàn lại chi phí xây dựng công trình Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải, thời hạn 7 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có diện tích 1.374 m², thửa số 280⁻⁴, tờ bản đồ số 04 Sài Gòn – Đa Kao, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và tài sản hình thành trên đất.

(c) Khoản vay thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để mua tàu biển container Great Pride, thời hạn 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

34. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	2.908.010.637
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

Số cuối kỳ

2.908.010.637

35. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	645.650.639	903.448.175
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số chi trong kỳ	296.880.414	(257.797.536)
Số cuối kỳ	348.770.225	645.650.639

36. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	475.000.000.000	7.125.000.000		482.125.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.366.907.462.400	23.512.500.000		1.390.419.962.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902			69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	13.410.665.221	10.329.163.782		23.739.829.003
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.296.600.315	10.329.163.782		20.625.764.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	151.364.805.484	65.192.879.845	37.184.989.615	179.372.695.714
Cộng	2.086.367.916.322	116.488.707.409	37.184.989.615	2.165.671.634.116

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.212.500	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	48.212.500	47.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.212.500	47.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.212.500	47.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.212.500	47.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để :

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

37. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.835.098.169	-	360.000.000	4.475.098.169
Quỹ phúc lợi	(1.833.339.751)	10.329.163.782	2.368.617.803	6.127.206.228
Quỹ đào tạo	(17.621.218)	-	42.500.000	(60.121.218)
Quỹ khen thưởng, khuyến khích sản xuất	505.584.000			505.584.000
Quỹ hỗ trợ chính sách	(86.588.307)			(86.588.307)
Quỹ Hội đồng quản trị	-	6.197.498.269	1.613.980.393	4.583.517.876
Cộng	3.403.132.893			15.544.696.748

38. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	519.867.556
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Số cuối kỳ	519.867.556

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản, nợ tiềm tàng

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất thuê của lô đất diện tích 1.112,60 m² tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 12/2007/HĐCN ngày 30 tháng 8 năm 2007 với Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển. Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển đang làm thủ tục giải thể và chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất nêu trên cho Công ty. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này tuy nhiên khả năng Công ty sẽ phải thanh toán các khoản thuế liên quan để có được quyền sở hữu lô đất nêu trên.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc